TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thái Dìn

Bà Trịnh Thị Khanh

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2025/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2026/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Quách Văn D, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Quách Văn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã M, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 16/6/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn

đến việc thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến tháng 8 năm 2025, chị T chuyển về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Quách Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Quách Thành N, sinh ngày 05/11/2016 và Quách Thị Thu N1, sinh ngày 17/9/2020. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con cho đến khi các con đủ tuổi thành niên, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Quách Văn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho anh, nhưng anh vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh đối với người thân của anh D là anh Quách Văn D1 (anh trai của anh D). Anh D1 cho biết: Chị Nguyễn Thị T và anh Quách Văn D tự nguyện chung sống, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn L, xã C, tỉnh Thanh Hóa rồi sau đó đi làm ăn cùng nhau. Tuy nhiên không biết vì lý do gì mà chị T chuyển về nhà ngoại ở huyện N cũ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân với nhau. Nay chị T xin ly hôn, gia đình tôn trọng ý kiến của chị và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung chị T và anh D có 02 (hai) con chung là Quách Thành N, sinh ngày 05/11/2016 và Quách Thị Thu N1, sinh ngày 17/9/2020, các cháu đang ở với chị T. Hiện nay, anh D không có ở nhà, nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình. Anh D1 đã nhận các văn bản tố tụng của Toà án. Anh D1 cam đoan đã thông báo và giao lại cho anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Quách Văn D

Về con chung: Giao cả 02 (hai) con chung là cháu Quách Thành N, sinh ngày 05/11/2016 và Quách Thị Thu N1, sinh ngày 17/9/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Quách Văn D trú tại: Thôn L, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá, quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Nguyễn Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án xét xử vắng mặt chị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Quách Văn D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống không có tiếng nói chung. Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh D.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Quách Thành N, sinh ngày 05/11/2016 và Quách Thị Thu N1, sinh ngày 17/9/2020. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả 02 (hai) con. Cháu N1 chưa đủ 07 tuổi nên Toà án không lấy ý kiến cầu cháu, còn cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ. Đối với anh Quách Văn D vắng mặt tại phiên toà, quá trình giải quyết vụ án không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, do đó giao cả 02 (hai) con Quách Thành N và Quách Thị Thu N1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị T không có yêu cầu, nên không xem xét

[7]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: : Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Quách Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Quách Thành N, sinh ngày 05/11/2016 và Quách Thị Thu N1, sinh ngày 17/9/2020. Giao cả 02 (hai) con Quách Thành N và Quách Thị Thu N1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu giải quyết. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001477, ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Minh Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**